

*TP Hòa Bình, ngày 21 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 208, 209, 219, 220 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn **Đ**

ĐKKHKT: xóm **T**, phường **TB**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị **H**

Địa chỉ: thôn **BN**, xã **TB**, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Công **S**

Địa chỉ: thôn **BN**, xã **TB**, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

+ Ông Phạm Công **L**

Địa chỉ: thôn **BN**, xã **TB**, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về tài sản chung:** Các đương sự thống nhất thửa đất số 06, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.385,0m<sup>2</sup> tại xóm **T**, phường **TB**, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Phạm Công **L**) là tài sản chung của ông

Nguyễn Văn **Đ** và ông Phạm Công **S**.

- Kết quả trích đo xác định được thửa đất trên có diện tích thực tế là 9.451,8m<sup>2</sup> và ông Nguyễn Văn **Đ**, ông Phạm Công **S** thống nhất chia mỗi người được sử dụng ½ thửa đất này.

## *2.2. Về chia tài sản chung:*

- Các đương sự thống nhất để ra 153m<sup>2</sup> (đất CLN) trong diện tích 9.451,8m<sup>2</sup> để làm đường đi chung (Có sơ đồ kèm theo).

- Ông Nguyễn Văn **Đ** được quyền sử dụng thửa đất số 11, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.649,5m<sup>2</sup> (trong đó đất ODT là 80m<sup>2</sup>, đất CLN là 4.569,5m<sup>2</sup>), địa chỉ: xóm **T**, phường **TB**, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vị trí tứ cận thửa đất như sau: phía Đông Bắc giáp hộ ông **L1**, phía Tây Bắc giáp hộ ông **Ch**, phía Nam giáp hộ ông Phạm Công **S** (Có sơ đồ kèm theo).

- Ông Phạm Công **S** được quyền sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.649,3m<sup>2</sup> (trong đó đất ODT là 80m<sup>2</sup>, đất CLN là 4.569,3m<sup>2</sup>), địa chỉ: xóm **T**, phường **TB**, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vị trí tứ cận thửa đất như sau: phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Văn **Đ**, phía Nam giáp hộ ông **Ng**, phía Đông giáp hộ ông **L1**, phía Tây giáp hộ bà **Th** (Có sơ đồ kèm theo).

*2.3. Về án phí:* Ông Nguyễn Văn **Đ** phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hiện ông **Đ** đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình theo Biên lai số 0006863 ngày 16/6/2020, này được khấu trừ. Ông **Đ** được hoàn lại số tiền là 150.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND TP Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Đinh Trường Sơn**

